

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo tiến sĩ

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10/11/1979 của Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-SĐH ngày 21/09/1992 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGD&ĐT ngày 07/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Áp dụng trực tiếp các Điều 1, 2, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 26, 27, 29, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ) đối với hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

**Điều 2.** Áp dụng các điều còn lại của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ với nội dung quy định chi tiết hoặc được hướng dẫn thêm như sau:

**1. Điều 3. Thời gian đào tạo được quy định cụ thể như sau:**

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục. Trường hợp không theo học tập trung liên tục thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh thực hiện trong 4 năm, theo Kế hoạch tại Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Bản quy định này).

**2. Điều 8. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, Khoản 1 được quy định cụ thể như sau:**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có bằng thạc sĩ luật học và có điểm luận văn từ 7.0 trở lên.

**3. Điều 9. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển, được quy định cụ thể như sau:**

Người dự tuyển cần có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình

độ ngoại ngữ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 49 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 400 điểm hoặc IELTS 4.0 trở lên hoặc tương đương.

**4. Khoản 1 và 2, Điều 13. Tiểu ban chuyên môn được quy định cụ thể như sau:**

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh do Trưởng tiểu ban chuyên ngành đề xuất danh sách đề Thường trực Hội đồng tuyển sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban, uỷ viên thư ký và các uỷ viên. Trưởng Tiểu ban chuyên ngành phải đảm bảo sự có mặt của các thành viên Tiểu ban chuyên môn theo lịch thi của Trường trong Thông báo tuyển sinh.

**5. Điều 14. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh được quy định cụ thể như sau:**

Thang điểm đánh giá hồ sơ và kết quả phỏng vấn dùng trong xét tuyển nghiên cứu sinh được quy định trong Phụ lục 2 (ban hành kèm theo Bản quy định này)

Nguyên tắc xét tuyển căn cứ theo chỉ tiêu của từng chuyên ngành và tổng số điểm của thí sinh, lấy theo thứ tự từ cao nhất trở xuống. Thí sinh trúng tuyển phải đạt 50 điểm trở lên theo thang điểm 100 (hoặc 5 điểm trở lên theo thang điểm 10), trong đó điểm bài luận về dự định nghiên cứu và kết quả phỏng vấn phải đạt ít nhất 50% mức điểm tối đa của nội dung này. Nếu chuyên ngành nào không đủ thí sinh trúng tuyển thì chỉ tiêu sẽ được chuyển cho các chuyên ngành khác có nhiều người đủ điều kiện trúng tuyển. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng số điểm thì lần lượt xét đến mức điểm cao hơn của bài luận dự định nghiên cứu và kết quả phỏng vấn, điểm thành tích nghiên cứu khoa học, tổng các điểm khác (kết quả học cao học, đại học, ngoại ngữ).

**6. Khoản 4, điểm b và khoản 7 Điều 21. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ được quy định cụ thể như sau:**

a) Các học phần bổ sung:

Khoa Sau đại học cung cấp bản sao hồ sơ nhập học của nghiên cứu sinh (bằng thạc sĩ; bảng điểm thạc sĩ và các chứng chỉ khác, nếu có...) cho Trưởng tiểu ban chuyên ngành để làm căn cứ xác định các học phần bổ sung cần thiết cho từng nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ khác với chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ phải học bổ sung các học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và Trưởng Tiểu ban chuyên ngành đề xuất các học phần bổ sung sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Nghiên cứu sinh phải học các học phần bổ sung cùng các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

b) Các học phần thuộc trình độ tiến sĩ được giảng dạy và đánh giá theo quy định của Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường.

c) Bài Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ:

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành Tiểu luận tổng quan vào năm thứ nhất và 2 chuyên đề tiến sĩ vào năm thứ 2 của khoá học; mỗi chuyên đề có khối lượng 2 tín chỉ (khoảng 30 trang A4). Các chuyên đề tiến sĩ do người hướng dẫn nghiên cứu sinh và Trưởng Tiểu ban chuyên ngành đề xuất sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn.

Việc đánh giá bài Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện theo Quy trình đào tạo trình độ tiến sĩ (QT-SDH-02) của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bài tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh được coi là đạt nếu có điểm trung bình chung từ 5.0 trở lên. Nếu không đạt, nghiên cứu sinh phải viết lại để đánh giá lại, phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo thông báo của Trường. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ lần sau được thực hiện như lần đầu.

d) Trên cơ sở quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, Chương trình đào tạo tiến sĩ và Kế hoạch đào tạo tiến sĩ của Trường, Khoa sau đại học xây dựng thời khoá biểu học các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ, thông báo cho nghiên cứu sinh vào đầu khoá học; phối hợp với các Tiểu ban chuyên ngành tổ chức việc giảng dạy, đánh giá các học phần, tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ theo đúng quy định. Nếu nghiên cứu sinh không hoàn thành kế hoạch học tập nghiên cứu của một năm học (chưa hoàn thành hoặc kết quả không đạt) thì phần việc còn lại phải được cộng thêm vào kế hoạch của năm tiếp theo. Nếu 2 năm liên tiếp không hoàn thành kế hoạch thì thời gian sau đó phải học theo chế độ tập trung tại Trường.

### **7. Điều 23. Những thay đổi trong quá trình đào tạo được quy định cụ thể như sau:**

a) Thay đổi đề tài luận án là việc thay đổi tên đề tài luận án mà sự thay đổi đó dẫn đến sự thay đổi về nội dung nghiên cứu luận án. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo, khi có lí do chính đáng như đề tài có người đang nghiên cứu hoặc đã được công bố; đề tài có khó khăn về việc thu thập tài liệu, bản án... không thể khắc phục được.

Nếu hội đồng đánh giá luận án, phản biện độc lập đề nghị chỉnh sửa tên đề tài luận án cho phù hợp, chính xác với nội dung luận án và kết quả đạt được, nội dung nghiên cứu không thay đổi, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn đồng ý chỉnh sửa thì không coi là thay đổi đề tài luận án. Để có căn cứ chỉnh sửa tên đề tài luận án, kết luận, nghị quyết của Hội đồng hoặc nhận xét của phản biện độc lập cần ghi rõ yêu cầu này.

b) Việc bổ sung người hướng dẫn được thực hiện khi có yêu cầu của nghiên cứu sinh và giáo viên đang hướng dẫn. Việc thay đổi người hướng dẫn chỉ được thực hiện

khi có lý do bất khả kháng. Người hướng dẫn bổ sung hoặc thay thế phải đảm bảo các yêu cầu về người hướng dẫn theo quy định tại Điều 25 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

Thời điểm bổ sung, thay đổi người hướng dẫn phải trước ngày nghiên cứu sinh dự kiến bảo vệ luận án theo kế hoạch tối thiểu một năm, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.

c) Nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án sớm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Đã hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo (các điểm đánh giá từ 8.0 trở lên) và hoàn thành luận án;

- Có tối thiểu 3 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước hoặc có 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước và 1 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành;

- Thời gian học tập nghiên cứu chỉ được rút ngắn không quá 6 tháng;

- Tập thể hoặc người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh có văn bản khẳng định chất lượng của luận án và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án sớm.

d) Về thủ tục thực hiện: Đối với trường hợp thay đổi đề tài luận án, căn cứ vào đơn đề nghị của nghiên cứu sinh, ý kiến của người hướng dẫn và ý kiến của Trường tiểu ban chuyên ngành, Hiệu trưởng ra quyết định cho phép thay đổi đề tài luận án.

Đối với trường hợp thay đổi, bổ sung người hướng dẫn luận án, căn cứ vào đơn đề nghị của nghiên cứu sinh, ý kiến của người hướng dẫn, ý kiến của Trường Tiểu ban chuyên ngành và Chủ nhiệm Khoa Sau đại học, Hiệu trưởng ra quyết định về việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh.

Đối với trường hợp gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu, căn cứ vào đơn xin gia hạn của nghiên cứu sinh, ý kiến đề nghị của người hướng dẫn và của đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học (nếu có), Khoa Sau đại học căn cứ vào điều kiện gia hạn trình Hiệu trưởng quyết định về việc gia hạn. Nghiên cứu sinh chỉ được gia hạn một lần với thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Hồ sơ xét gia hạn gồm:

- Đơn xin gia hạn của NCS, trong đó nêu rõ lý do xin gia hạn, những việc đã làm được, những việc còn lại cần phải hoàn thành, kế hoạch cụ thể chi tiết để hoàn thành các công việc còn lại, các biện pháp khả thi để thực hiện kế hoạch đó. Nghiên cứu sinh phải cam kết sẽ hoàn thành luận án trong thời gian xin gia hạn;

- Nhận xét và đề nghị của người hướng dẫn, trong đó nêu rõ tinh thần làm việc và các kết quả đã đạt được của nghiên cứu sinh, nguyên nhân phải kéo dài thời gian, triển vọng hoàn thành luận án;

- Các giấy tờ chứng minh nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài luận án, nếu có (như hồ sơ khám chữa bệnh, điều trị tại bệnh viện, quyết định cử đi học tập ở nước ngoài...);

- Công văn đề nghị của cơ quan cử nghiên cứu sinh đi học (nếu có).

e) Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 7, Điều 23, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo thông báo của Trường.

**8. Điều 24. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định cụ thể như sau:**

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm cả người hướng dẫn nghiên cứu sinh, phải gửi lý lịch khoa học về Khoa Sau đại học trước ngày tham gia giảng dạy hoặc trước ngày Hiệu trưởng ra quyết định cử cán bộ hướng dẫn; lý lịch khoa học phải được giảng viên cập nhật hàng năm.

**9. Khoản 2 Điều 25. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh được quy định cụ thể như sau:**

Trường hợp nghiên cứu sinh có hai người hướng dẫn thì trách nhiệm của hai người hướng dẫn như sau:

a) Người hướng dẫn thứ nhất chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 26 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Người hướng dẫn thứ hai có trách nhiệm hỗ trợ người hướng dẫn thứ nhất trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 26 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; cùng người hướng dẫn thứ nhất hướng dẫn nghiên cứu sinh hoàn thiện đề cương nghiên cứu, viết tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án tiến sĩ;

c) Những công việc cần phải có ý kiến của người hướng dẫn theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và theo Bản quy định chi tiết này thì người hướng dẫn thứ nhất chủ động thông nhất ý kiến với người hướng dẫn thứ hai và đại diện tập thể hướng dẫn đề nghị, nhận xét, đánh giá... Người hướng dẫn thứ hai chỉ thay mặt tập thể hướng dẫn trong trường hợp người hướng dẫn thứ nhất không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do bất khả kháng.

**10. Điều 27. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh được hướng dẫn thêm như sau:**

Sau khi nhận được quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải gặp Trưởng tiểu ban chuyên ngành để được giới thiệu chính thức về Khoa, bộ môn; để được phân công công việc, tham gia sinh hoạt chuyên môn... theo các quy định tại Điều 27, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

Các báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu của nghiên cứu sinh với Tiểu ban chuyên ngành theo Khoản 1, Điều 27 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ phải có sự đồng ý của người hướng dẫn. Khi nghiên cứu sinh thực hiện quy định báo cáo đề cương nghiên cứu, Trưởng tiểu ban chuyên ngành mời 2 nhà khoa học có đủ tiêu chuẩn theo Điểm a, b Khoản 1 Điều 25 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu để đọc và góp ý đề cương cho nghiên cứu sinh trong cuộc họp Tiểu ban chuyên ngành.

**11. Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn được quy định cụ thể như sau:**

Các Tiểu ban chuyên ngành của Trường là đơn vị chuyên môn trong đào tạo tiến sĩ, Trường Tiểu ban chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện các quy định về đơn vị chuyên môn tại Điều 28 và các điều khác của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và theo Bản quy định chi tiết này.

**12. Khoản 2 và khoản 8 Điều 30. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ được quy định cụ thể như sau:**

a) Luận án tiến sĩ phải có trên 50% nội dung trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Các nội dung cơ bản của luận án gồm có:

- Mở đầu: Lý do chọn đề tài; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu cần được mô tả rõ ràng và chi tiết để người đọc có thể xác định được tính phù hợp với từng nội dung nghiên cứu, độ tin cậy của dữ liệu và các kết quả nghiên cứu); những đóng góp mới của luận án, kết cấu của luận án;

- Tổng quan tình hình nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án; nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết;

- Cơ sở lý luận và giả thiết khoa học: Nghiên cứu sinh cần lựa chọn một hoặc một số quan điểm, trường phái chủ đạo làm cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu của mình và luận giải cho sự lựa chọn đó. Trình bày những luận điểm chính của các quan điểm, trường phái chủ đạo đã lựa chọn. Tóm tắt kết quả những nghiên cứu điển hình trước có ứng dụng quan điểm, trường phái chủ đạo vào nghiên cứu vấn đề liên quan đến đề tài. Sau đó trình bày định hướng nghiên cứu cho đề tài trên cơ sở những luận, điểm quan điểm, trường phái đã chọn, có tham khảo, kế thừa kết quả nghiên cứu trước;

- Kết quả nghiên cứu, bản luận: Mô tả ngắn gọn các công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm (nếu có). Kết quả nghiên cứu cần thể hiện rõ những tri thức mới được phát hiện trên cơ sở kết quả phân tích dữ liệu. Phần bản luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;

- Kết luận và kiến nghị: Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nghiên cứu sinh đưa ra những kết luận ngắn gọn, có tính mới, tính sáng tạo, khả thi và kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình đã công bố: Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của nghiên cứu sinh liên quan đến nội dung đề tài luận án, tên tạp chí đăng tải theo trình tự thời gian công bố;

- Danh mục tài liệu tham khảo: liệt kê các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bản luận trong luận án;

- Phụ lục: những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu...

b) Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 100 trang A4 (cộng trừ 10%) không kể phụ lục. Luận án không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị... và trình bày theo thứ tự sau:

- Bìa luận án: bìa cứng, in chữ nhũ đủ dấu tiếng Việt;
- Lời cam đoan của tác giả;
- Mục lục;
- Danh mục các hình vẽ, danh mục các bảng biểu, danh mục các từ viết tắt (nếu có);
- Mở đầu;
- Tổng quan tình hình nghiên cứu;
- Các chương của luận án (nội dung các mục, tiêu mục và kết luận chương);
- Kết luận chung của luận án; kiến nghị về hướng nghiên cứu tiếp theo;
- Danh mục công trình công bố của tác giả;
- Tài liệu tham khảo;
- Phụ lục.

Các hướng dẫn về bìa luận án, soạn thảo văn bản; đánh số mục; bảng biểu, hình vẽ; cách viết tắt; tài liệu tham khảo và trích dẫn; cách xếp danh mục tài liệu tham khảo; quy định về phụ lục của luận án... được thực hiện theo Phụ lục 3 (*ban hành kèm theo Bản quy định này*).

c) Tóm tắt luận án tiến sĩ được viết bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), có khối lượng 24 trang A5 (khổ A4 gấp đôi) cho cả hai ngôn ngữ. Tóm tắt luận án phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, Tóm tắt luận án phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số trang của bài báo trên tạp chí.

Các hướng dẫn về bìa, soạn thảo văn bản, số trang tóm tắt luận án... được thực hiện theo Phụ lục 4 (*ban hành kèm theo Bản quy định này*).

### **13. Khoản 3 Điều 31. Đánh giá và bảo vệ luận án được quy định cụ thể như sau:**

Trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở, ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại khoản 2, nghiên cứu sinh còn phải nộp cho Khoa sau đại học các tài liệu sau:

- Đơn xin bảo vệ luận án cấp cơ sở, có sự đồng ý của người hướng dẫn khoa học;
- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Điều 22 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;
- 7 bản luận án đóng bìa mềm;
- 7 bản photocopy các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án đã công bố;
- Lịch khoa học có xác nhận của cơ quan nơi nghiên cứu sinh công tác (nếu có).

#### **14. Khoản 7 Điều 32. Đánh giá luận án cấp cơ sở được quy định cụ thể như sau:**

a) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng Tiểu ban chuyên ngành và Chủ nhiệm Khoa Sau đại học. Các thành viên tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải đáp ứng những tiêu chuẩn theo quy định tại Điều a, b, Khoản 1, Điều 25 và khoản 2, Điều 32 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

b) Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

Các thành viên của Hội đồng (bao gồm: Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và ba ủy viên) có trách nhiệm tham gia phiên họp Hội đồng để đánh giá luận án, phải có nhận xét bằng văn bản về luận án của nghiên cứu sinh theo các tiêu chí được nêu trong Phụ lục 5 (*ban hành kèm theo Quyết định này*); đưa ra các câu hỏi đối với nghiên cứu sinh tại buổi họp đánh giá luận án (nếu cần thiết).

Ngoài ra, tùy thuộc vào cương vị trong Hội đồng, trách nhiệm cụ thể của mỗi thành viên được quy định như sau:

- *Chủ tịch Hội đồng*: Điều hành phiên họp đánh giá luận án và đưa ra kết luận;
- *Thư ký Hội đồng*: Ghi biên bản cuộc họp đánh giá luận án. Các nội dung của biên bản theo biểu mẫu BM/QT-SĐH-02-12 của Quy trình QT-SĐH-02;
- *Người phản biện*: Gửi bản nhận xét có xác nhận của cơ quan nơi mình công tác về Khoa Sau đại học trước ngày bảo vệ luận án 1 tuần hoặc 5 ngày làm việc.

c) Thủ tục, trình tự tổ chức phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở:

Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá luận án tiến sĩ theo trình tự sau:

- Đại diện cơ sở đào tạo tuyên bố lý do, công bố Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ ở bộ môn;
- Chủ tịch Hội đồng xem xét, công bố điều kiện tổ chức phiên họp đánh giá luận án và chương trình làm việc;
- Thư ký Hội đồng báo cáo Hội đồng về lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;
- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu trong thời gian không quá 30 phút;
- Hai phản biện nhận xét luận án;
- Các thành viên Hội đồng nhận xét luận án;
- Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi (nếu có) của các thành viên Hội đồng;
- Hội đồng họp riêng để thảo luận về việc luận án có đáp ứng những yêu cầu của Quy chế hiện hành đối với một luận án tiến sĩ hay không; thảo luận về những điểm cần sửa đổi; bổ sung trong luận án;

- Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng về luận án, trong đó chỉ rõ: Luận án chưa đạt yêu cầu về nội dung, hình thức, yêu cầu nghiên cứu sinh chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp cơ sở; hoặc về cơ bản, luận án đạt yêu cầu về nội dung và hình thức, Hội đồng yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa những vấn đề không cơ bản và đồng ý thông qua luận án để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường sau khi nghiên cứu sinh đã sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng; hoặc luận án đạt yêu cầu về nội dung và hình thức, Hội đồng đồng ý thông qua luận án để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường.

- Nếu luận án của nghiên cứu sinh được ba phần tư số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành, Hội đồng thông qua danh sách gồm 50 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án trình Hiệu trưởng quyết định.

d) Trong trường hợp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở yêu cầu nghiên cứu sinh chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp cơ sở thì thời gian chỉnh sửa luận án do người hướng dẫn và nghiên cứu sinh quyết định với điều kiện đảm bảo các quy định về thời hạn được phép bảo vệ luận án theo khoản 6, 7 Điều 23 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc bảo vệ lại luận án, mức đóng cụ thể theo thông báo của Trường.

**15. Khoản 2 Điều 33. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường hoặc viện được quy định cụ thể như sau:**

Sau khi luận án được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua, nghiên cứu sinh chỉnh sửa luận án (nếu Hội đồng yêu cầu) trong thời gian tối đa 3 tháng và nộp về khoa Sau đại học các tài liệu theo quy định tại điểm b, h, i, k, l khoản 2 Điều 33 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, kèm theo đơn xin bảo vệ luận án cấp trường có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Riêng luận án, tóm tắt luận án, các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án và trang thông tin về những đóng góp mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có sự đồng ý của người hướng dẫn) phải làm thành 3 bộ, trong đó 2 bộ không có thông tin về cơ sở đào tạo, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn.

Trường tiểu ban chuyên ngành đề nghị Danh sách thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gửi Hiệu trưởng. Danh sách này gồm 15 nhà khoa học có chuyên môn sâu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của luận án; tránh trùng lặp với Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở (trừ Chủ tịch và Thư ký Hội đồng); trong đó có tối đa 5 người thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội.

**16. Khoản 5 Điều 34. Phản biện độc lập được quy định cụ thể như sau:**

a) Tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập: Theo các quy định tại Điểm a, b Khoản 1, Điều 25 và Khoản 1 Điều 34 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. Không mời phản biện độc lập là giảng viên của Trường, người đã tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, người có quan hệ quản lý trực tiếp hoặc có quan hệ gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) với nghiên cứu sinh hoặc với người hướng dẫn nghiên cứu sinh.

b) Trình tự và yêu cầu về bảo mật đối với phản biện độc lập được quy định như sau:

- Trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ khi nghiên cứu sinh nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường, Khoa Sau Đại học xem xét hồ sơ, nếu đạt yêu cầu theo quy định thì Chủ nhiệm Khoa Sau đại học đề nghị Hiệu trưởng cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường;

- Hiệu trưởng chọn các phản biện độc lập trong danh sách đề nghị thành viên Hội đồng chấm luận án cấp Trường do khoa Sau đại học trình theo giới thiệu của Trường Tiểu ban chuyên ngành;

- Người phản biện có nhiệm vụ nhận xét luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án và các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (*ban hành kèm theo Quyết định này*). Trong thời hạn 4 tuần, kể từ ngày nhận được tài liệu cần phản biện, người phản biện gửi 2 bản nhận xét (một bản có ký và ghi rõ họ, tên người phản biện, một bản không có thông tin về người phản biện) về cho Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội. Nếu quá 12 tuần, kể từ khi trình luận án cho Hiệu trưởng mà không nhận được nhận xét phản biện, Khoa Sau đại học báo cáo để Hiệu trưởng mời phản biện khác thay thế.

c) Sau khi nhận được ý kiến tán thành của hai phản biện độc lập, toàn văn bản nhận xét (không có tên của người phản biện độc lập) sẽ được sao gửi cho nghiên cứu sinh.

d) Các công việc và thông tin liên quan đến quá trình lấy ý kiến phản biện độc lập phải được bảo mật tuyệt đối. Cá nhân nào vi phạm sẽ bị xử lý như vi phạm quy định bảo mật của nhà nước.

đ) Trong thời gian không quá một tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những đóng góp mới của luận án (có sự đồng ý của người hướng dẫn) và Bản giải trình tiếp thu ý kiến của phản biện độc lập (có ý kiến của người hướng dẫn) nộp về Khoa Sau đại học.

Trường khoa Sau đại học xem xét hồ sơ, trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Hiệu trưởng duyệt trang thông tin về những đóng góp mới của luận án để cho phép đăng tải công khai trên trang web của Trường và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

**17. Khoản 4 Điều 35. Đánh giá luận án cấp trường hoặc viện được hướng dẫn cụ thể như sau:**

Yêu cầu, điều kiện của các chức danh tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường theo quy định chung tại điểm khoản 1, 2 Điều 35 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường do Hiệu trưởng quyết định, trong Danh sách đề nghị thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường do khoa Sau đại học trình theo giới thiệu của Trường Tiểu ban chuyên ngành, không trùng lặp với

Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, trừ Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

**18. Khoản 2 Điều 36. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường hoặc viện được quy định cụ thể như sau:**

Ngoài các nguyên tắc chung được quy định tại khoản 2 Điều 36 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường được quy định thêm như sau:

a) Tài liệu nghiên cứu sinh phải nộp để bảo vệ luận án cấp Trường gồm:

- 8 bản luận án (bìa cứng);

- 60 bản tóm tắt luận án;

- Bản nhận xét của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo mẫu BM/QT-SĐH-02-10 của QT-SĐH-02;

- Các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và khoản 14 Điều 2 của Bản Quy định này.

b) Các điều kiện khác để tổ chức bảo vệ luận án:

- Tuân thủ quy trình chuẩn bị bảo vệ luận án cấp Trường theo đúng quy định của Quy trình đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội (QT-SĐH-02);

- Có ít nhất 10 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học thuộc ngành luật, nhận xét nhân danh cá nhân hoặc đại diện các tổ chức khoa học, gửi về khoa Sau đại học; trong đó, có tối đa 2 bản nhận xét của các cá nhân trong Trường.

**19. Khoản 2 Điều 37. Tổ chức bảo vệ luận án được quy định cụ thể như sau:**

Phiên họp của Hội đồng về việc đánh giá luận án cấp trường được thực hiện theo thủ tục, trình tự sau đây:

- Đại diện Trường tuyên bố lý do, công bố quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

- Chủ tịch Hội đồng xem xét, công bố điều kiện tổ chức phiên họp đánh giá luận án và chương trình làm việc;

- Thư ký hội đồng báo cáo Hội đồng lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

- Thành viên Hội đồng và người tham dự nêu ý kiến về lý lịch khoa học và điều kiện bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh (nếu có);

- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu trong thời gian không quá 30 phút. (không đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước);

- Các phản biện nhận xét luận án và đặt câu hỏi đối với nghiên cứu sinh;

- Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp các nhận xét khác về luận án và tóm tắt luận án;

- Các thành viên Hội đồng nhận xét luận án và nêu câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh;

- Những người tham dự có thể nêu câu hỏi đối với nghiên cứu sinh về những vấn đề của luận án, nếu được Chủ tịch Hội đồng đồng ý;

- Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi của Hội đồng và câu hỏi của những người tham dự đã được Hội đồng chấp nhận;

- Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến về tinh thần, thái độ nghiên cứu của Nghiên cứu sinh;

- Hội đồng họp riêng để bầu Ban kiểm phiếu (3 người), bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua Nghị quyết của Hội đồng;

- Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu đánh giá luận án;

- Chủ tịch Hội đồng công bố nghị quyết của Hội đồng;

- Các đại biểu phát biểu ý kiến;

- Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến;

- Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ luận án tiến sĩ.

#### **20. Khoản 5 Điều 38. Bảo vệ lại luận án được quy định cụ thể như sau:**

Thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án được tiến hành như thủ tục và trình tự bảo vệ luận án lần đầu. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc bảo vệ lại luận án theo thông báo của Trường.

#### **21. Điều 43. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ được hướng dẫn thêm như sau:**

Ngoài các tài liệu theo quy định tại Khoản 1, nghiên cứu sinh phải nộp thêm cho Thư viện Trường 1 bộ tài liệu và khoa chuyên môn, nơi nghiên cứu sinh đã tham gia sinh hoạt chuyên môn, 1 bộ tài liệu theo quy định tại khoản 2.

Ngoài các tài liệu theo quy định tại Khoản 3, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh phải có Giấy biện nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trường và của Trường khoa chuyên môn.

#### **Điều 3: Hiệu lực và tổ chức thực hiện**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng các Tiểu ban chuyên ngành đào tạo sau đại học, giảng viên, người hướng dẫn luận án, các thành viên Hội đồng đánh giá luận án, phản biện độc lập, nghiên cứu sinh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**HIỆU TRƯỞNG**

#### **Nơi nhận:**

- Trường TBCN (để thực hiện);
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để phối hợp chỉ đạo);
- Website Trường (để thông tin);
- Lưu: VT, Khoa SDH.

(Đã ký)

**PGS.TS Hoàng Thế Liên**

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1287/ĐHLHN-SĐH, ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Kế hoạch đào tạo tiến sĩ (đối với người đã có bằng thạc sĩ) của Trường Đại học Luật Hà Nội được thực hiện trong tổng thời gian bốn năm, bao gồm một năm tập trung liên tục (năm thứ nhất) và ba năm tập trung theo kỳ. Việc gia hạn thời gian nghiên cứu và thời gian tối đa cho phép bảo vệ luận án thực hiện theo Khoản 4 và Khoản 7, Điều 23 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh phải thực hiện kế hoạch chung và kế hoạch học tập, nghiên cứu hàng năm như sau:

#### 1. Kế hoạch chung

- 1.1. Báo cáo kết quả năm trước (nếu có) và xây dựng kế hoạch học tập nghiên cứu năm năm sau vào tháng thứ nhất của mỗi năm học, có sự phê duyệt của người hướng dẫn, nộp cho Trường tiểu ban chuyên ngành và Khoa Sau đại học;
- 1.2. Tham gia các hoạt động chuyên môn ở khoa, bộ môn theo sự giới thiệu, phân công của Trường tiểu ban chuyên ngành như một thành viên của khoa, bộ môn;
- 1.3. Thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch do người hướng dẫn quy định;
- 1.4. Định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với người hướng dẫn và Tiểu ban chuyên ngành (có nhận xét của người hướng dẫn) theo lịch do Tiểu ban chuyên ngành quy định nhưng ít nhất 4 lần một năm;
- 1.5. Thu thập và xử lý tài liệu theo yêu cầu nghiên cứu đề tài luận án, tự học tập đảm bảo trình độ ngoại ngữ theo đúng quy định tại Điều 22, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, đăng ít nhất 2 bài báo khoa học để công bố kết quả nghiên cứu trước khi bảo vệ luận án.

#### 2. Kế hoạch học tập, nghiên cứu hàng năm

(Từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh)

	Thời gian	Công việc
Năm thứ nhất	12 tháng tập trung: từ tháng thứ nhất đến hết tháng thứ 12 (trong đó có 2 tháng nghỉ hè, tết)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tham gia đầy đủ lịch học tập các học phần bổ sung (nếu có), 8 học phần thuộc trình độ tiến sĩ theo thời khoá biểu được Khoa Sau đại học thông báo;</li><li>- Hoàn thiện đề cương nghiên cứu chi tiết, có sự đồng ý của người hướng dẫn, nộp cho Trường tiểu ban chuyên ngành để báo cáo với chuyên ngành vào tháng thứ 6;</li><li>- Nộp bài Tiểu luận tổng quan cho Khoa Sau đại học chậm nhất vào tháng thứ 12, thuyết trình tiểu</li></ul>

		luận tổng quan.
<b>Năm thứ hai</b>	3 tháng tập trung: từ tháng thứ 17 đến hết tháng thứ 19	Viết và bảo vệ chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	3 tháng tập trung: từ tháng thứ 22 đến hết tháng thứ 24	Viết và bảo vệ chuyên đề tiến sĩ thứ hai
<b>Năm thứ ba</b>	5 tháng tập trung: từ tháng thứ 28 đến hết tháng thứ 32	Viết và nộp bản thảo luận án cho người hướng dẫn khoa học
	3 tháng tập trung: từ tháng thứ 35 đến hết tháng thứ 37	Chỉnh sửa bản thảo luận án theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học
<b>Năm thứ tư</b>	6 tháng tập trung theo 2 đợt, thời điểm tập trung phụ thuộc vào thời điểm tổ chức họp hội đồng cấp cơ sở và thời điểm nhận kết quả phản biện	Nộp luận án , bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá cấp cơ sở; chỉnh sửa luận án theo yêu cầu của Hội đồng, nộp luận án đã chỉnh sửa để phản biện độc lập; Chỉnh sửa luận án theo yêu cầu của phản biện độc lập, nộp và bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

**Phụ lục 2**  
**THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1287/ĐHLHN-SĐH, ngày 24 tháng 08 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

SỐ TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
1	<b>Thư giới thiệu</b>	<b>được chấp nhận</b>
2	<b>Kết quả học tập ở bậc Đại học</b>	<b>10</b>
	Có điểm trung bình chung từ 8,0 trở lên hoặc tốt nghiệp loại giỏi	10
	Có điểm trung bình chung từ 7,0 đến dưới 8,0 hoặc tốt nghiệp loại khá	07
	Có điểm trung bình chung từ 6,0 đến dưới 7,0 hoặc tốt nghiệp loại trung bình khá	03
3	<b>Kết quả học tập ở bậc Thạc sĩ</b>	<b>10</b>
	Có điểm trung bình chung từ 8,0 trở lên	10
	Có điểm trung bình chung từ 7,0 đến dưới 8,0	07
	Có điểm trung bình chung từ 6,0 đến dưới 7,0	03
4	<b>Kết quả nghiên cứu khoa học</b> (Đối với thí sinh là đồng chủ biên, đồng tác giả công trình nghiên cứu khoa học thì số điểm của thí sinh được tính bằng cách lấy điểm công trình khoa học đó chia cho số người đồng chủ biên, đồng tác giả. Các bài tham luận hội thảo phải được in trong kỷ yếu hội thảo, có ghi rõ tên đơn vị tổ chức hội thảo)	<b>25</b>
	Có 01 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế	04
	Có 01 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước	02
	Chủ nhiệm đề tài hoặc viết 01 chuyên đề trong đề tài khoa học cấp Nhà nước	03
	Chủ nhiệm đề tài hoặc viết 01 chuyên đề trong đề tài khoa học cấp Bộ	02
	Chủ nhiệm đề tài hoặc viết 01 chuyên đề trong đề tài khoa học cấp Cơ sở	01
	Có 01 bài tham luận tại Hội thảo khoa học cấp Quốc tế viết bằng tiếng nước ngoài	03
	Có 01 bài tham luận tại Hội thảo khoa học cấp Bộ/ Quốc gia/ Quốc tế, viết bằng tiếng Việt	02
	Có 01 bài tham luận tại Hội thảo khoa học cấp Trường/Viện	01
	Chủ biên hoặc viết 01 chương của giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo	02
5	<b>Trình độ tiếng Anh</b>	<b>5</b>
	Có chứng chỉ TOEFL 500 điểm hoặc IELTS 5.0 điểm trở lên	5
	Có chứng chỉ TOEFL từ 450 điểm đến dưới 500, IELTS 4.5 điểm đến dưới 5.0	2
6	<b>Bài luận về dự định nghiên cứu và kết quả phỏng vấn</b>	<b>50</b>
	Giá trị khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu (thể hiện ở sự phù hợp với chuyên ngành đăng ký; sự rõ ràng của mục tiêu, ý tưởng và nội dung nghiên cứu; tính thời sự và tính sáng tạo, tính mới của đề tài, triển vọng ứng dụng của kết quả	20

	<i> nghiên cứu đề tài...)</i>	
	<i>Mức độ khả thi của đề tài nghiên cứu (thể hiện ở năng lực và kinh nghiệm chuyên môn của thí sinh; tính rõ ràng và khoa học, dễ thực hiện của kế hoạch nghiên cứu; mức độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu...)</i>	15
	Khả năng sáng tạo và độc lập, khả năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học của thí sinh...	5
	Khả năng trí tuệ và sự ham hiểu biết, sự tự tin và nhiệt tình của thí sinh ( <i>thể hiện thông qua việc chọn đề tài mới, hấp dẫn, có cách tiếp cận độc đáo và sáng tạo trong đề cương nghiên cứu...)</i>	5
	Thái độ nghiêm túc và tinh thần phân biện của thí sinh trong nghiên cứu khoa học	5
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>

**Phụ lục 3**

**HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1287/ĐHLHN-SDH, ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

1) *Mẫu bìa luận án*

MẪU BÌA LUẬN ÁN CÓ IN CHỮ NHỮ (khổ 210 x 297 mm):

<p><b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ TƯ PHÁP</b> <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI</b></p> <p><b>HỌ VÀ TÊN NCS</b></p> <p><b>TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b></p> <p><b>LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC</b></p> <p><b>HÀ NỘI (SỐ NĂM)</b></p>
--

MẪU TRANG PHỤ BÌA LUẬN ÁN :

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ TƯ PHÁP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HỌ VÀ TÊN NCS

**TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Chuyên ngành: □□□□□.□.

Mã số: □□□□□□□.

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1.Chức danh, học vị, họ và tên NHD 1
- 2.Chức danh, học vị, họ và tên NHD 2

HÀ NỘI (SỐ NĂM)

*2) Soạn thảo văn bản:*

Luận án sử dụng font chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,3 lines; lề trên 3,0 cm; lề dưới 2,5 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

*3) Tiểu mục:*

Các tiểu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều

nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

#### 4) Bảng biểu, hình vẽ:

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải ở ngay trang tiếp theo phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Trong luận án, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản luận án. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ "... được nêu trong Bảng 4.1" hoặc xem "(xem Hình 3.2)" mà không được viết "... được nêu trong bảng dưới đây".

#### 5) Viết tắt:

Không lạm dụng việc viết tắt trong luận án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án.

#### 6) Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn:

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của luận án. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng biểu, hình vẽ, ý tưởng...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết cũng như không làm luận án nặng nề với những tham khảo trích dẫn.

Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo của luận án.

Khi cần trích dẫn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn, thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với l

trái lùi vào thêm 2 cm. Khi này mở đầu và kết thúc đoạn trích này không phải sử dụng dấu ngoặc kép.

7) *Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo nguyên tắc sau đây:*

a. Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật...

b. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả luận án theo thông lệ của từng nước.

Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.

Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm.

c. Tài liệu tham khảo là sách, luận án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)
- Năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- *Tên sách, luận án hoặc báo cáo* (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)
- Nơi xuất bản, (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

d. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên tác giả (không có dấu ngăn cách)
- Năm công bố (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- "Tên bài báo" (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- *Tên tạp chí hoặc tên sách* (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Tập (không có dấu ngăn cách)
- Số (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để phần tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi.

Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, tr. 31-32].

8) *Phụ lục của luận án*

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội

dung luận án như số liệu, mẫu biểu... Nếu luận án sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi.

Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của luận án. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận án.



Mẫu trang bìa 2 của tóm tắt luận án:

<p>Công trình được hoàn thành tại: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI</p> <p><b>Người hướng dẫn khoa học:</b> 1.Chức danh, học vị, họ và tên NHD 1 2.Chức danh, học vị, họ và tên NHD 2</p> <p>Phản biện 1 Chức danh, học vị, họ và tên NPB 1 Phản biện 2: Chức danh, học vị, họ và tên NPB 2 Phản biện 3: Chức danh, học vị, họ và tên NPB 3</p> <p>Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi <input type="checkbox"/> giờ ngày <input type="checkbox"/> tháng <input type="checkbox"/> năm <input type="checkbox"/>.</p> <p>Có thể tìm hiểu luận án tại: 1) Thư viện Quốc gia 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội</p>
---

Mẫu trang bìa 3 của tóm tắt luận án:

### CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CÓ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Họ và tên nghiên cứu sinh (năm công bố),  
“tên bài báo khoa học”, *Tên tạp chí đăng bài báo khoa học* (số tạp chí), tr... .
2. Họ và tên nghiên cứu sinh (năm công bố),  
“tên bài báo khoa học”, *Tên tạp chí đăng bài báo khoa học* (số tạp chí), tr... .
3. Họ và tên nghiên cứu sinh (năm công bố),  
“tên bài báo khoa học”, *Tên tạp chí đăng bài báo khoa học* (số tạp chí), tr... .
4. ....

## Phụ lục 5

### CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT LUẬN ÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1287/ĐHLHN-SDH, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

- 1- Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án;
- 2- Sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với tên đề tài và mã số chuyên ngành;
- 3- Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án so với các công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố;
- 4- Tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo;
- 5- Độ tin cậy và tính hợp lý, hiện đại của phương pháp nghiên cứu;
- 6- Đóng góp mới của luận án cho sự phát triển khoa học chuyên ngành; ý nghĩa khoa học, thực tiễn, giá trị và độ tin cậy của những đóng góp đó;
- 7- Ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án; những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa;
- 8- Sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố, nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh;
- 9- Bản tóm tắt luận án có phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không *(đối với bản nhận xét của phản biện độc lập và của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường)*;
- 10- Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án có phản ánh đúng những nội dung đã nghiên cứu trong luận án hay không, có phải là những kết quả nghiên cứu mới của nghiên cứu sinh không *(đối với nhận xét luận án của phản biện độc lập)*;
- 11- Kết luận chung cần khẳng định mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ; luận án có thể đưa ra bảo vệ ở cấp trường hay chưa *(đối với nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và nhận xét của phản biện độc lập)* hoặc tác giả có xứng đáng nhận học vị tiến sĩ hay không *(đối với nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường)*.

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-ĐHLHN ngày 30/09/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

### **Phần một**

## **MỤC TIÊU, YÊU CẦU, THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ có mục tiêu giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

Nội dung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo yêu cầu hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; hỗ trợ nghiên cứu sinh về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

### **II. THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

#### **1. Thời gian thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục thì thời gian đào tạo kéo dài trong 4 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để học tập và thực hiện một số công việc liên quan đến đề tài nghiên cứu.

#### **2. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm có:

##### **2.1. Các học phần bổ sung:**

22 tín chỉ (phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng).

##### **2.2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:**

14 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 8 tín chỉ (gồm 01 học phần bắt buộc có khối lượng 2 tín chỉ; 02 học phần tự chọn, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ);

- Các chuyên đề tiến sĩ: 4 tín chỉ (gồm 02 chuyên đề tiến sĩ, mỗi chuyên đề có khối lượng 2 tín chỉ).

- Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ.

##### **2.3. Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ: 20 tín chỉ.**

## Phần hai

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

#### I. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG (22 tín chỉ)

Các học phần bổ sung được hiểu là các học phần theo mục II (nội dung chi tiết) của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN-SĐH ngày 30/10/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội), thuộc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ mà nghiên cứu sinh đã trúng tuyển.

Các học phần bổ sung chỉ áp dụng đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ không đúng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đã đăng ký theo học.

#### II. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (8 tín chỉ)

##### 1. Học phần bắt buộc (2 tín chỉ)

Học phần bắt buộc gồm 2 tín chỉ được áp dụng chung cho tất cả nghiên cứu sinh của các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	HPBBC	Kỹ năng nghiên cứu luật học	2	x	

##### 2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)

Các học phần tự chọn của mỗi chuyên ngành được xây dựng, cập nhật hàng năm trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp với hướng nghiên cứu, đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Các học phần tự chọn được xây dựng để bổ sung và hỗ trợ kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo cho nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

##### 2.1. Các học phần tự chọn của chuyên ngành *Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật*

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LLC-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LLC-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LLC-TS-TC03	Học phần 3	3		x

##### 2.2. Các học phần tự chọn của chuyên ngành *Luật Hiến pháp*

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LHP-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LHP-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LHP-TS-TC03	Học phần 3	3		x

**2.3. Các học phần tự chọn của chuyên ngành Luật Hành chính**

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LHC-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LHC-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LHC-TS-TC03	Học phần 3	3		x

**2.4. Các học phần tự chọn của chuyên ngành Luật Hình sự, Tội phạm học và điều tra tội phạm**

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LHS-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LHS-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LHS-TS-TC03	Học phần 3	3		x

**2.5. Các học phần tự chọn của chuyên ngành Luật Dân sự**

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LDS-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LDS-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LDS-TS-TC03	Học phần 3	3		x
4	LDS-TS-TC04	Học phần 4	3		x

**2.6. Các học phần tự chọn của chuyên ngành Luật Kinh tế**

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	LKT-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LKT-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LKT-TS-TC03	Học phần 3	3		x
4	LKT-TS-TC04	Học phần 4	3		x

**2.7. Các học phần tự chọn của chuyên ngành Luật Quốc tế**

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	LOẠI HỌC PHẦN	
				BẮT BUỘC	TỰ CHỌN

1	LQT-TS-TC01	Học phần 1	3		x
2	LQT-TS-TC02	Học phần 2	3		x
3	LQT-TS-TC03	Học phần 3	3		x

### III. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN (2 tín chỉ)

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Bài tiểu luận tổng quan được nghiên cứu sinh thực hiện bằng hình thức tự nghiên cứu, tự tổng hợp, đánh giá, có sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học.

### IV. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ (4 tín chỉ)

Chuyên đề tiến sĩ có nội dung cập nhật kiến thức mới và giải quyết một số nội dung của đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng hình thức tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học.

### V. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIỀN SĨ (20 tín chỉ)

Nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc đối với nghiên cứu sinh trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy thuộc vào đề tài nghiên cứu, Tiểu ban chuyên ngành và người hướng dẫn có thể yêu cầu nghiên cứu sinh phải hoàn thành một số nghiên cứu mang tính lý luận hoặc khảo sát thực tiễn. Các nghiên cứu này được thể hiện dưới dạng bài báo, công trình khoa học khác nhằm giúp nghiên cứu sinh đạt được tri thức mới hoặc giải pháp mới để phục vụ cho việc hoàn thành luận án tiến sĩ. Các nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh phải gắn với đề tài luận án hoặc phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án và phải được công bố chính thức theo trình tự quy định đối với mỗi loại công trình nghiên cứu khoa học.

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh phải thể hiện là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, có tính độc lập, sáng tạo trong lĩnh vực luật học, có những đóng góp mới về mặt lý luận cho khoa học pháp lý, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với ngành luật học và thực tiễn xã hội. Luận án tiến sĩ được thực hiện bằng hình thức tự học, tự nghiên cứu sáng tạo của nghiên cứu sinh, có sự hướng dẫn của người hướng dẫn.

## **Phần ba**

### **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG**

Việc đánh giá các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định trong Mục III, Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN-SĐH ngày 30/10/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội).

#### **II. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

Việc kiểm tra đánh giá đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ được thực hiện bằng hình thức viết tiểu luận và chấm bài tiểu luận học phần.

#### **III. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN**

Việc kiểm tra, đánh giá đối với các chuyên đề tiến sĩ và bài tiểu luận tổng quan được thực hiện bằng hình thức chấm chuyên đề (hoặc tiểu luận tổng quan) theo quy trình đào tạo sau đại học (QT-SĐH-02) trước Tiểu ban chấm chuyên đề (hoặc Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan) do Hiệu trưởng thành lập.

#### **IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Việc đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh được thực hiện thông qua các hình thức sau:

- Người hướng dẫn đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh thường xuyên trong quá trình hướng dẫn và đánh giá định kỳ trong nội dung đánh giá các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh;

- Trưởng tiểu ban chuyên ngành đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh trong nội dung đánh giá các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh;

- Hội đồng đánh giá luận án đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh đối với các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

#### **V. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh được đánh giá qua 2 cấp: Cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn) và cấp Trường theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**PGS.TS Hoàng Thế Liên**